TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v tranh chấp *"hợp đồng dân sự, hụi"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Phạm Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng dân sự, hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 282/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: số 809, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị X (Sáu X), sinh năm 1961; địa chỉ: số 19, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1961; địa chỉ: số 19, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà có tham gia 02 dây hụi, mỗi dây hụi 10.000.000 đồng, trong đó có dây hụi bà tham gia 02 chân, mỗi tháng mở 01 lần, do bà Trần Thị X (Sáu X) làm chủ, bà đã tham gia đóng được nhiều kỳ, hụi chưa mãn nhưng bà Xê tự ý ngưng hụi, bỏ địa phương đi cho đến

nay.

Tổng cộng 02 dây hụi trên, bà đã đóng cho bà X 382.200.000 đồng, bà X tự ý ngưng hụi từ khoảng tháng 11/2021 đến nay không giao dịch hụi, cố tình né tránh không trả tiền hụi cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần đòi tiền hụi. Giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hụi để làm vốn kinh doanh và sử dụng tiền sinh hoạt chung vào nhu cầu thiết trong gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 382.200.000 đồng (Ba trăm hai mươi trám triệu hai trăm nghìn), không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 02 (hai) sổ hụi, sổ hụi ngày 19/4Âl/2020, sổ hụi ngày 09/12/2020, (có danh sách hụi viên kèm theo).

Quá trình giải quyết vụ án,

- Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhiều lần đến các phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến; Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Ông Phan Văn T (Tám T), trình bày, thời điểm bà Bùi Thị L (vợ ông) tham gia chơi hụi do bà Trần Thị X làm chủ hụi thì ông biết vì bà X có đến nhà ông để thu tiền hụi của bà L, thời điểm vợ ông không có ở nhà thì ông là người đóng hụi cho bà X, số tiền đóng hụi cho bà X là tiền riêng cá nhân của vợ ông, không phải là tiền của ông; khi tham gia chơi hụi thì vợ ông lấy tên trong sổ hụi của bà X là "chị Tám T" do lấy theo tên thường gọi của ông ở địa phương. Ông T xác định, khi bà X thu tiền hụi nếu có mặt ở nhà thì vợ ông trực tiếp đóng hụi, có những lần bà L không có ở nhà thì ông đóng thay cho vợ ông, đây là tiền riêng của bà Lệ chứ hoàn toàn không phải là tiền chung của vợ chồng. Do đó, việc bà L khởi kiện bà X đòi số tiền hụi là quyền cá nhân của bà L, ông không có ý kiến và từ chối tham gia tố tụng vì ông hoàn toàn không liên quan đến giao dịc hụi và số tiền hụi mà vợ ông đóng cho bà X.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị L trình bày bổ sung: do bà nhớ nhầm, phần hụi mua thì bà đã thực hiện cấn trừ riêng với bà X nên bà không đề cập như đơn khởi kiện, bà bỏ ra nội dung này, bà chỉ còn tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

- Tại dây hụi 10.000.000 đồng, khui ngày 09/12/2020Al, bà tham gia 02 chân, mỗi tháng đóng 01 kỳ, bà đã đóng hụi cho bà X được 11 kỳ, mỗi chân hụi đóng mỗi kỳ như nhau với số tiền 8.200.000 đồng, số tiền đóng hàng tháng tại 02 chân là 16.400.000 đồng; tổng cộng bà đã đóng 180.400.000 đồng tại dây hụi này, hụi chưa mãn. Dây hụi này bà rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà X và ông Nguyễn Ngọc N trả cho bà số tiền 180.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại dây hụi 10.000.000 đồng, khui ngày 09/04/2020Al, bà tham gia 01

chân, mỗi tháng 01 kỳ, bà đã đóng hụi cho bà X được 19 kỳ, chân hụi này bà đóng 8.200.000 đồng, số tiền đóng hàng tháng tại chân hụi này là như nhau với số tiền 8.200.000 đồng; tổng cộng bà đã đóng 155.800.000 đồng tại dây hụi này, hụi chưa mãn. Dây hụi này bà rút lại một phần yêu cầu bà X và ông Nguyễn Ngọc N trả cho bà số tiền 155.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng tại 02 dây hụi, bà đã đóng 336.200.000 đồng, trước đây bà yêu cầu Tòa án buộc bà X, ông N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền tổng cộng 382.200.000 đồng, bà rút lại một phần yêu cầu so với trước đây với số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện buộc bà X, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền tổng cộng 336.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc Thi hành án và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký lthực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tại 02 dây hụi 46.000.000 đồng; bà chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) liên đới trả số tiền còn nợ hụi 336.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ bà L khởi kiện là 02 giấy hụi các ngày 09/12al/2020, 19/4al/2020 do bà X lập, thể hiện bà X làm chủ hụi, bà Lệ tham gia cùng nhiều hụi viên khác; thực hiện giao dịch hụi thì bà X tự ý ngưng hụi, không được sự đồng ý của các hụi viên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi; các dây hụi đều chưa kết thúc nên bà L yêu cầu bà X trả lại toàn bộ số tiền hụi đã góp cho bà X là có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc ông N (chồng bà X) phải liên đới cùng bà X trả số tiền 336.200.000 đồng. Bà L cho rằng trong thời gian làm chủ hụi, bà X và ông N là vợ chồng và việc bà X làm chủ hụi để làm vốn và sinh hoạt trong gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2022 của Tòa án: ông N, bà X chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn, xác định là hôn nhân thực tế, xác định ông X, bà N là vợ chồng. Tuy nhiên, ngoài căn cứ này, bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà X làm chủ hụi ông N có hưởng lợi, hoặc dùng

tiền chơi hụi vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở xem xét buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà L.

Đối với số tiền 46.000.000 đồng, bà L tự nguyện rút lại nên cần đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với số tiền 46.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Bùi Thị L đối với bà Trần Thị X.

- Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho của bà Bùi Thị L số tiền 336.200.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà Xê trả số tiền 336.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà X, ông N có nghĩa vụ trả tiền hụi còn nợ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp *"hợp đồng dân sự, hụi"* là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện C điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Trần Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc N tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị L cho rằng bà Trần Thị X làm chủ nhiều dây hụi có nhiều hụi viên tham gia, trong đó bà tham gia 02 dây, bà đã đóng nhiều kỳ trong các dây, hụi chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hụi và bỏ địa phương đi cho đến nay. Tổng cộng 02 dây hụi trên, bà đã đóng cho bà X với số tiền 382.200.000 đồng, bà X ngưng hụi từ tháng 11/2021 đến nay không giao dịch hụi, cố tình né tránh không trả tiền hụi, mặc dù bà đã nhiều lần đòi tiền hụi. Giữa bà X và ông N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hụi để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt chung trong gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà X, ông N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 382.200.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm nghìn), không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tại 02 dây hụi 46.000.000 đồng; bà chỉ yêu cầu bà X, ông N trả số tiền nợ hụi 336.200.000 đồng, đây là số tiền thực tế bà đã đóng hụi cho bà X; không yêu cầu tính lãi suất.

[4.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Kèm theo đơn khởi kiện, bà L cung cấp các sổ hụi, trong từng sổ hụi đều thể hiện cụ thể hụi viên là "chị Tám T" (tên gọi của bà Bùi Thị L khi tham gia chơi hụi) và những hụi viên khác cùng tham gia. Bà X trực tiếp đứng ra làm chủ hụi với nhiều dây hụi, nhiều hụi viên tham gia trong đó có bà L; đã trực tiếp đóng nhiều kỳ tài các dây hụi, hụi chưa mãn nhưng bà X đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, tự ý ngưng hụi và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 31/5/2022 được đại diện Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thông tin: "bà Trần Thị X (tên gọi khác là Sáu X), vợ ông Nguyễn Ngọc N nơi cư trú tại ấp M, xã H; bà X làm chủ nhiều dây hụi, khi có thông tin bà X bỏ địa phương đi cho đến nay có nhiều hụi viên đến trình báo, địa phương hướng dẫn khởi kiện theo thủ tục dân sự tại Tòa án".

Tại biên bản lấy lời khai của các hụi viên tham gia cùng bà L tại các dây hụi, được các hụi viên Dương Thị H, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Thị H đều xác định có tham gia chơi hụi do bà X làm chủ cùng với "chị Tám T", do là người cùng địa phương nên khi Cán bộ Tòa án làm việc mới biết tên thật là Bùi Thị L, hụi chưa mãn nhưng bà X tự ý ngừng giao dịch và bỏ địa phương đi; khi giao dịch hụi với bà X thì các bà chỉ giao dịch với bà X, các lần này đều không có ông N tham gia. Mặt khác, bà X đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc giao dịch hụi, số tiền nợ hụi.

Với những phân tích trên, có căn cứ xác định việc bà L thỏa thuận giao dịch hụi với bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật; Trong quá trình thực hiện giao dịch, bà X với tư cách là chủ hụi đã vi phạm nghĩa vụ đối với hụi

viên; Vì vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi là có cơ sở. Bà L thay đổi yêu cầu, rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện, do hụi chưa mãn nên bà chỉ yêu cầu bà X trả số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà X tại các dây hụi 336.200.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 46.000.000 đồng, là tự nguyện nên đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N (chồng bà X) có nghĩa liên đới cùng bà X trả số tiền 336.200.000 đồng. Bà L đưa ra lý do trong thời gian làm chủ hụi, bà X và ông N là vợ chồng, việc bà X làm chủ hụi để làm vốn và dùng vào sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Tuy nhiên, bà L xác định khi tham gia giao dịch và đóng tiền hụi thì bà chỉ giao dịch với bà X, ông N hoàn toàn không tham gia, bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc ông N có hưởng lợi hay sử dụng tiền bà X thu hụi vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình, số tiền các bên giao dịch hụi lớn nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà L buộc ông N có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trả tiền hụi cho bà.

[4.3] Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu, không đề cấp giải quyết.

[5] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Do bà X còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/01/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phong toả tài sản của người có nghĩa vụ (là quyền sử dụng đất diện tích 62,7m^2, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 42, loại đất thổ cư, vị trí thửa đất toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang, tên người sử dụng đất: Ông Nguyễn Ngọc N, bà Trần Thị X, địa chỉ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05970/qB do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/11/2002) để đảm bảo cho việc Thi hành án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể phải chịu 336.200.000 đồng x 5% = 16.810.000 đồng.

[7] Lời phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với bà Trần Thị X (Sáu X).

Buộc bà Trần Thị X (Sáu X) có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền nợ hụi 336.200.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L yêu cầu ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà Trần Thị X (Sáu X) trả nợ hụi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

2.1 Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 06/01/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phong toả tài sản của người có nghĩa vụ (là quyền sử dụng đất diện tích 62,7m^2, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 42, loại đất thổ cư, vị trí thửa đất toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang, tên người sử dụng đất: Ông Nguyễn Ngọc N, bà Trần Thị X, địa chỉ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05970/qB do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/11/2002) để đảm bảo cho việc Thi hành án.

2.2. Huỷ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Bùi Thị L được nhận lại số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm đã nộp là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu) theo giấy nộp tiền ngày 06/01/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (AGRIBANK) - Chi nhánh C, tỉnh An Giang.

3. Về án phí:

Bà Bùi Thị L được hoàn lại số tiền 9.555.000 đồng (chín triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0009991 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị X (Sáu X) phải chịu 16.810.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm mười nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn Bùi Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với, bà Trần Thị X (Sáu X), ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong